|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2018/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

***Ngày 5.4.2018***

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư,**

**kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số** **66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm:**

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 3. Điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 61 của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có Giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hóa chất hoặc bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp;

2. Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

3. Thiết bị, dây chuyền sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thành phẩm thuốc từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

4. Hệ thống xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải phải đáp ứng quy định pháp luật và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp;

5. Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm được công nhận ISO 17025:2005. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO 17025:2005 đối với mỗi lô sản phẩm xuất xưởng;

6. Sau 01 năm hoạt động, cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.”

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 4.** **Điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Chủ cơ sở bán thuốc, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

2. Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m. Trường hợp cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có cửa hàng phải có đăng ký doanh nghiệp, có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp

3. Kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

b) Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm”.

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

Tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 37 của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 - 19:2010/BNNPTNT về quy trình xông hơi khử trùng hoặc tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; Người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có Thẻ hành nghề do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp;

2. Có địa điểm xử lý vật thể, nhà xưởng, kho chứa, phương tiện phù hợp với quy mô, biện pháp và loại hình xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

3. Có thiết bị đối với từng biện pháp xử lý quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”

4. Khoản 1, khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ sở tách biệt với các khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện; các khu vực ô nhiễm môi trường khác.

2. Có hệ thống cung cấp nước cho sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.”.

5. Điểm a, b khoản 2 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Về địa điểm giết mổ

a) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải cách biệt với khu dân cư, trường học, bệnh viện, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường quốc lộ, sông, suối, nguồn cung cấp nước sinh hoạt, trại chăn nuôi, chợ buôn bán gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm như bãi rác, nghĩa trang, nhà máy thải bụi và hóa chất độc hại;

b) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm khi hoạt động phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành của pháp luật.”.

6. Khoản 2; điểm a và điểm e Khoản 3; điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ sở tách biệt với các khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện;các khu vực ô nhiễm môi trường khác.

3. Về nhà xưởng sơ chế, chế biến

a) Dây chuyền sản xuất phải bố trí theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng; phân luồng riêng đối với sản phẩm, phụ gia, vật liệu bao gói, phế thải;

e) Có hệ thống cung cấp nước sử dụng cho sơ chế, chế biến thực phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống; nước để vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

4. Về thiết bị, dụng cụ

a) Có trang thiết bị làm vệ sinh cá nhân cho công nhân sản xuất.

b) Có thiết bị, dụng cụ chế biếnthực phẩm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12 - 3:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.”.

7. Khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chợ đầu mối nông sản tách biệt với các khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện; các khu vực ô nhiễm môi trường khác.

2. Phân khu vực trong chợ đầu mối

c) Có hệ thống cung cấpnước rửa, sơ chế sản phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.”.

8. Điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nơi buôn bán

a) Cơ sở tách biệt với các khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện; các khu vực ô nhiễm môi trường khác.

3. Thiết bị, dụng cụ

b) Có thiết bị, dụng cụ chứa đựng, bao gói, bày bán sản phẩm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12 - 3:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.”.

9. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm của Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm như sau:

a) Bãi bỏ khoản 3 Điều 19;

b) Bãi bỏ điểm a, b khoản 1; điểm c, d khoản 2; khoản 3 Điều 20;

c) Bãi bỏ điểm a, b khoản 1; điểm b, d, đ, g, h, i khoản 3; điểm c, d, đ khoản 4 Điều 21;

d) Bãi bỏ khoản 3 Điều 22;

d) Bãi bỏ điểm a, b khoản 1; điểm b khoản 2; điểm a, c khoản 3 Điều 23.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y:**

1. Điểm a, c, e khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài;

c) Nền nhà cao ráo, không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; Tường và trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

e) ) Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.”.

2. Điểm c, d khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác;

d) Nền, tường, trần như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”.

3. Điểm c khoản 5 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Phải có trang thiết bị phù hợp.”.

4. Khoản 2, khoản 3 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có đủ quầy, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại.

3. Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm.”

5. Khoản 2 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có quạt thông gió, hệ thống điều hòa không khí để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản của sản phẩm. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin, chế phẩm sinh học phải có kho riêng bảo quản, có máy phát điện dự phòng, có trang thiết bị, phương tiện vận chuyển bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm trong quá trình vận chuyển, phân phối.”

6. Khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có phòng xét nghiệm bảo đảm an toàn sinh học khi làm việc với vi sinh vật hoặc các sản phẩm có khả năng chứa vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người và động vật theo quy định hiện hành của Bộ Y tế. Có phòng riêng để phân tích các chỉ tiêu lý hóa.”.

5. Có hệ thống xử lý chất thải, nước, khí thải; có khu riêng biệt để xử lý động vật thí nghiệm được sử dụng kiểm nghiệm vắc xin, vi sinh vật.

6. Có tủ lạnh, tủ lạnh âm sâu giữ giống vi sinh vật để phục vụ việc kiểm nghiệm”.

7. Điểm d, điểm đ khoản 1; khoản 2 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Chuồng, ao, bể nuôi động vật khảo nghiệm có diện tích đảm bảo mật độ nuôi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Có số lượng động vật đáp ứng được việc khảo nghiệm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải, xác động vật, bệnh phẩm bảo đảm vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

2. Có hoặc thuê cơ sở kiểm nghiệm thuốc thú y đáp ứng Điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này”.

8. Bổ sung Điều 19a trước Điều 19 như sau:

**“ Điều 19a. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, buôn bán thuốc thú y**

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y phải có hệ thống sổ sách, các quy trình thao tác chuẩn bảo đảm cho việc bảo quản, kiểm soát, theo dõi việc nhập, xuất từng lô thuốc thú y;

2. Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y phải lập sổ theo dõi và lưu giữ hóa đơn chứng từ về việc mua, bán thuốc thú y”.

9. Bãi bỏ một số khoản, điểm Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y như sau:

a) Bãi bỏ điểm b, c khoản 1; điểm b, d, đ, g khoản 2; điểm đ, e khoản 3 Điều 12;

b) Bãi bỏ khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 17;

c) Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 18;

d) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 20.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản:**

1. Khoản 1; điểm a, c, d, đ, e, g khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Địa điểm sản xuất, gia công phải nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi những yếu tố như chất thải, hóa chất độc hại; nơi sản xuất phải ngăn cách với các khu vực khác.

4. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị:

a) Khu vực sản xuất được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự cách biệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

c) Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

d) Đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có nơi pha trộn Premix riêng.

đ) Có thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng.

e) Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ (quạt, sàng, nam châm...) để kiểm soát các tạp chất (cát sạn, kim loại) ảnh hưởng đến chất lượng.

g) Có giải pháp phòng, chống chuột, chim, động vật gây hại khác; có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải.”

2. Khoản 1, khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi phải được cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác.

2. Có thiết bị dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi.”.

3. Điểm a khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn trên từng đối tượng vật nuôi.

Đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản phải có đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản.”.

4. Bổ sung Điều 15a tại Chương IV Nghị định 39/2017/NĐ-CP như sau:

“ **Điều 15a. Quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

1. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

a) Quảng cáo thức ăn chăn nuôi phải phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (nếu có), gồmcác nội dung sau: Tên thức ăn chăn nuôi; xuất xứ nguyên liệu trong chế biến; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

b) Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi trên bảng, biển, panô, kệ giá kê hàng, các vật dụng khác, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, phương tiện giao thông, người chuyển tải sản phẩm quảng cáo không nhất thiết phải chứa đầy đủ các nội dung bắt buộc.

2. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện: Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của Trung ương, phát hành toàn quốc;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

 Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương;

Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo;

 Phương tiện giao thông;

 Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao của địa phương;

Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo;

Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

a) Hồ sơ gồm:

 Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng.

Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo).

b) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này;

 Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản giấy hoặc bản điện tử

c) Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp”.

5. Bãi bỏ khoản 2, khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 7 của Nghị định 39/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

**Điều** **4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định** **69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen:**

1. Khoản 3 Điều 40 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Sinh vật nhập khẩu vào Việt Nam cho mục đích phóng thích phải đáp ứng điều kiện tại Điều 37 của Nghị định này. Sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen nhập khẩu vào Việt Nam cho mục đích sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Nghị định này”.

2. Bãi bỏ một số khoản của Nghị định 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen như sau:

a) Bãi bỏkhoản 2 Điều 37;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 38;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 39;

d) Bãi bỏ khoản 4, 5 Điều 40.

**Điều 5**. Bãi bỏ Điều 51, Điều 52 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành và thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, NN (……..). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**Phụ lục I:**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số ……./2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ )*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ….. | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN**

**NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: …

Địa chỉ: …….

Số điện thoại: ………………… Fax: …………………………. E-mail:

Số giấy phép hoạt động: ………..

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ: ……………………………

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thức ăn chăn nuôi** | **Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm** | **Mã số công nhận** | **Tên, địa chỉ nhà sản xuất** | **Phương tiện quảng cáo** |
| 1. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục II:**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN**

**NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số ……./2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ )*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan chủ quản** Tên cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung quảng cáo TĂCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…, ngày … tháng … năm 20...* |
|  |  |

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG**

**QUẢNG CÁOTHỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Số:        /20…/XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền)

***(Tên cơ quan có thẩm quyền) ……….xác nhận:***

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địachỉ: ………………………………………………………………

Số điện thoại: ………………….. Fax: ……………………… E-mail:

***Có nội dung quảng cáo (***[***1***](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-29-2015-TT-BNNPTNT-sua-doi-Thong-tu-66-2011-TT-BNNPTNT-quan-ly-thuc-an-chan-nuoi-290382.aspx#_ftn1)***) các thức ăn chăn nuôi trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TACN** | **Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm** | **Mã số công nhận** | **Tên, địa chỉ nhà sản xuất** | **Phương tiện quảng cáo** |
| 1. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thức ăn chăn nuôi đúng nội dung đã được xác nhận./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |